

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ HÙNG VƯƠNG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ HÙNG VƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG VUONG TECHNOLOGY DEVELOPMENT AND INVESTMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HUNGVUONG TECH

2. Mã số doanh nghiệp: 0109800780

3. Ngày thành lập: 02/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số 18 ngõ 226 phố Nguyễn Lân, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0898696989

Fax:

Email: info@hungvuongtechgroup.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá ô tô và xe có động cơ khác.	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác.	4530
10.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng.	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.	4543

13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa	4610
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị ngành gas (LPG) và xăng dầu, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo hộ lao động, thiết bị tin học, viễn thông, thiết bị vật tư ngành điện	4659
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt thép.	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Khai thác thủy sản biển	0311
23.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
24.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: trừ hoạt động đấu giá độc lập	8299
26.	Đào tạo sơ cấp	8531
27.	Đào tạo trung cấp	8532
28.	Đào tạo cao đẳng	8533
29.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
30.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
31.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
32.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
33.	Lập trình máy vi tính	6201
34.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
35.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
36.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
37.	Cổng thông tin Chi tiết: trừ hoạt động báo chí.	6312
38.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399

39.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020
40.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
41.	Quảng cáo (trừ các hoạt động Nhà nước cấm)	7310
42.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông tin và xây dựng trang web (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);	7410
43.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Hoạt động môi giới thương mại - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); - Hoạt động đánh giá trừ bất động sản và bảo hiểm (cho đồ cổ, đồ trang sức...); - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý.	7490
44.	Cho thuê xe có động cơ	7710
45.	Bán buôn tổng hợp	4690
46.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
47.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
48.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
49.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
50.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
51.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
52.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
53.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
54.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
55.	Đúc sắt, thép	2431
56.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
57.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
58.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Chế tạo, gia công máy móc, thiết bị ngành cơ khí.	2592
59.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
60.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
61.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

62.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
63.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Loại trừ hoạt động đầu giá bán lẻ qua internet.	4791
64.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
65.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
66.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
67.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
68.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
69.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
70.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
71.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
72.	Bốc xếp hàng hóa	5224
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Trừ các hoạt động dịch vụ hàng không	5229
75.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
76.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
77.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
78.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5629
79.	Xuất bản phần mềm	5820
80.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Đại lý kinh doanh dịch vụ internet; - Đại lý kinh doanh thiết bị viễn thông và thiết bị mạng;	6190
81.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
82.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
83.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
84.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
85.	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy, bộ (tàu, thuyền...).	3011
86.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
87.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
88.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

89.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
90.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
91.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
92.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
93.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
94.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
95.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
96.	Xây dựng nhà để ở	4101
97.	Xây dựng nhà không để ở	4102
98.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
99.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
100.	Xây dựng công trình điện	4221
101.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
102.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
103.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
104.	Xây dựng công trình thủy	4291
105.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
106.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
107.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
108.	Phá dỡ	4311
109.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
110.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: lắp đặt hệ thống camera quan sát, hệ thống báo động, thiết bị nghe nhìn điều khiển từ xa, lắp đặt thiết bị ngành gas (LPG) và xăng dầu, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo hộ lao động, thiết bị tin học, viễn thông, thiết bị ngành điện.	4321(Chính)
111.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
112.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hệ thống camera quan sát, hệ thống báo động, thiết bị nghe nhìn điều khiển từ xa.	4742
113.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
114.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ VĂN DŨNG	Số 9 ngách 64/29 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	329.800	3.298.000.000	48,500	001083012648	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	329.800	3.298.000.000	48,500		
2	TRẦN HẢI TÙNG	P310 – B8A TT Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.400	34.000.000	0,500	001082043408	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.400	34.000.000	0,500		

3	TRẦN VĂN HUY	thôn Khâu, Xã Tử Du, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	346.800	3.468.000.000	51,000	026083006083
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	346.800	3.468.000.000	51,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/03/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083012648

Ngày cấp: 22/01/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 9 ngách 64/29 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 9 ngách 64/29 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội